

Bản án số: 07/2017/DS-ST

Ngày: 21/11/2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu.

2. Ông Bà Lê Thị Len.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung tham gia phiên tòa:
Không

Ngày 21/11/2017 Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 25/2017/TLST - DS ngày 25/7/2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐST - DS ngày 26/10/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà x, đường NĐC, tổ 2 khu phố 4, phường BD, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1962.

Nơi công tác: Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh Thanh Hoá.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 10/4/2008 bà P có cho bà Lê Thị N vay số tiền là 362.000.000đ(Ba trăm sáu mươi hai triệu đồng). Nhưng đến ngày 26/12/2013 bà N nói do hoàn cảnh khó khăn nên xin chỉ trả cho bà Lê Thị P số tiền 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng). Bà N hẹn nhiều lần nhưng không chịu trả nợ, ngày 13/01/2017 bà N viết giấy hẹn nợ đến ngày 15/3/2017 sẽ hoàn trả số tiền 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi cho bà P, nhưng quá hạn bà N không trả. Nay bà P yêu cầu bà N phải trả 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận từ ngày quá hạn từ ngày 15/3/2017 đến ngày nộp đơn khởi kiện là 04 tháng x lãi suất 1%/tháng, tiền lãi là: 04 tháng x 200.000.000đ x 1% = 8.000.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 208.000.000đ (Hai

trăm linh tám triệu đồng) và yêu cầu tính lãi tiếp cho đến khi Tòa án xét xử xong với lãi xuất 1% tháng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị N trả số tiền gốc là 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng), lãi xuất vay là 0,83%/tháng theo lãi xuất chậm trả của Bộ Luật dân sự 2015, tính đến thời xét xử là: Tiền gốc: 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 15/3/2017 đến 21/11/2017 tính là 08 tháng 07 ngày: $(200.000.000đ \times 8 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} \times 0,83\%/tháng) = 13.667.333đ$, Tổng cộng gốc và lãi làm tròn là 213.667.000đ(Hai trăm mười ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Bị đơn bà Lê Thị N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ nhiều lần vẫn không đến Tòa án để trình bày và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thị N đã triệu tập họp lệ đến phiên hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, bà P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 BLTTDS, Tòa án cũng đã triệu tập bà N lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P thấy rằng: Căn cứ vào giấy khất nợ ngày 13/01/2017 có nội dung thể hiện như sau: “Tôi là Lê Thị N, công tác tại Viện kiểm sát huyện Hà Trung. Tôi có nợ của chị Lê Thị P- Tổ 2 khu 4, phường Ba Đình thị xã Bỉm Sơn số tiền là 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng) tôi hẹn chậm nhất ngày 15/3/2017 tôi sẽ hoàn trả đầy đủ cho chị P cả gốc và lãi, Bỉm sơn ngày 13.01.2017 người vay, ký tên Lê Thị N” trong giấy khất nợ trên có từ “triệu” được sửa bằng một loại mực nét chữ do cùng một người viết theo mắt nhìn thông thường. Ngoài ra còn giấy khất nợ ngày 26/12/2013, ngày 30/10/2013 người viết Lê Thị N. Xét việc thỏa thuận của các đương sự trong giấy khất nợ ngày 15/3/2017 được xác lập theo điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 có nội dung phù hợp không trái đạo đức xã hội. Ngoài ra còn giấy khất nợ ngày 26/12/2013, ngày 30/10/2013 thể hiện có việc vay mượn tiền giữa bà P và bà N. Nên Hội đồng xét xử nhận định văn bản giấy khất nợ ngày 15/3/2017 là hợp pháp, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà N luôn vắng mặt, nên không có ý kiến chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình là lỗi của bà N. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong giấy khất nợ ngày 15/3/2017, nên bà P yêu cầu bà N trả số tiền nợ

vay 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng) là có căn cứ. Nên buộc bà N phải trả số tiền nợ vay là 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng) cho bà P.

Về yêu cầu trả khoản tiền lãi: Thấy rằng, trong giấy khất nợ ngày 15/3/2017 thể hiện có việc các bên thỏa thuận trả lãi nhưng không thể hiện mức lãi suất phải trả, theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn. Như vậy mức lãi suất giữa bà P và bà N được tính bằng 50% của mức lãi suất giới hạn (20%/năm) tương đương với lãi suất chậm trả 0,83% tháng, việc bà P thay đổi mức lãi suất từ 1% / tháng xuống 0,83%/tháng là phù hợp không vượt quá mức lãi suất mà pháp luật quy định, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên được chấp nhận toàn bộ.

Do đó tiền lãi tính từ ngày 15/3/2017 đến 21/11/2017 là 08 tháng 07 ngày: $(200.000.000đ \times 8 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} \times 0,83\%/tháng) = 13.667.333đ$, Tổng cộng gốc và lãi làm tròn là 213.667.000đ(Hai trăm mười ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của bà P được chấp nhận nên bà N phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST trên số tiền phải trả cho bà P. Bà P được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Điều 9, Điều 18; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được thay đổi tại phiên tòa. Buộc bà Lê Thị N trả cho bà Lê Thị P 200.000.000đ tiền gốc và 13.667.000đ tiền lãi, Tổng cộng là: 213.667.000đ(Hai trăm mười ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà P có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 10.683.000đ(Mười triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng). Bà Lê Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.200.000đ(Năm triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004706 ngày 20/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

